

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đức Thành

Bà Vũ Thị Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Văn B**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1998, tại **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ngô Văn B1** và bà **Bùi Thị G**; bị cáo có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/11/2019, bị **Công an thành phố H** xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác; Bị cáo đầu thú ngày 12/01/2024, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Thanh M**, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1994, tại **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn G, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn Đ** và bà **Đoàn Thị B2**; bị cáo có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 21/03/2024, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh **Đàm Quang V**, sinh năm 1996; địa chỉ: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.

+ Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1999; địa chỉ: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- + Anh **Đàm Quang T**, sinh năm 1998; địa chỉ: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Bùi Văn T1**, sinh năm 2000; địa chỉ: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Bùi Công H1**, sinh năm 1994; địa chỉ: **khu D, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Đàm Quang H2**, sinh năm 1999; địa chỉ: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Ngô Văn N**, sinh năm 2003; địa chỉ: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Phạm Như T2**, sinh năm 2000; địa chỉ: **thôn G, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đông Văn T3**, sinh năm 1998; địa chỉ: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đàm Quang H3**, sinh năm 1994; địa chỉ: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; có mặt.
- + Anh **Đoàn Văn Đ1**, sinh năm 1995; địa chỉ: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 2000; địa chỉ: **thôn Đ, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Đàm Quang T4**, sinh năm 2000; địa chỉ: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Phạm Hữu M1**, sinh năm 2001; địa chỉ: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Phạm Minh Đ2**, sinh năm 1997; địa chỉ: **khu C, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; có mặt.
- + Anh **Đàm Quang Đ3**, sinh năm 2000; địa chỉ: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Vũ Tiến H4**, sinh năm 1998; địa chỉ: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Bùi Ngọc S**, sinh năm 1999; địa chỉ: **thôn G, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1995; địa chỉ: **khu T, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; có mặt.
- + Anh **Bùi Việt C1**, sinh năm 1997; địa chỉ: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Phạm Đình P**, sinh năm 1998; địa chỉ: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Phạm Việt A1**, sinh năm 2003; địa chỉ: **thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đàm Quang T5**, sinh năm 1991; địa chỉ: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đông Văn C2**, sinh năm 1995; địa chỉ: **thôn Đ, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.

- + Anh **Đàm Quang Đ4**, sinh năm 1993; địa chỉ: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; có mặt.
- + Anh **Đàm Quang M2**, sinh năm 1997; địa chỉ: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Vũ Hoàng G1**, sinh năm 1996; địa chỉ: **khu A, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1999; địa chỉ: **thôn C, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- + Anh **Đỗ Hữu T6**, sinh năm 1998; địa chỉ: **thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Vũ Văn L**, sinh năm 2000; địa chỉ: **khu H, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đoàn Công V1**, sinh năm 1997; địa chỉ: **khu B, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Chị **Vũ Thị Như Q**, sinh năm 1997; địa chỉ: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- + Anh **Đỗ Mạnh C3**, sinh năm 1997; địa chỉ: **tổ A, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.
- **Những người làm chứng:** chị **Đỗ Thị Hương G2**, có mặt; anh **Trần Văn C4** và anh **Phạm Xuân B3**, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền nên từ năm 2021, **Ngô Văn B** rủ **Bùi Thanh M** và **Bùi Văn T7** góp vốn để cho người khác vay lấy lãi. Bằng, **M** và **T7** cùng thỏa thuận bằng miệng (không bằng văn bản) thống nhất cùng nhau tổ chức cho người khác vay tiền, với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/1.000.000đồng/1 ngày (tương đương 109,5%/năm đến 146%/năm), để hưởng lợi nhuận. Tổng số vốn ban đầu là 1.017.000.000 đồng (Bằng góp 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng); **M** góp 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng); **T7** góp 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bằng là người quản lý, giữ số tiền vốn: 1.017.000.000 đồng. Hàng tháng, tiền lãi thu sẽ được chia đều cho 03 người.

Ngoài ra, nhóm **B** lập ra nhóm zalo chung có tên "Cty **Liên M3**" để hoạt động và phân công nhiệm vụ như sau: Bằng là người trực tiếp tìm, làm việc với người vay, chuyển tiền vay cho người vay, thu tiền lãi, đôn đốc người vay trả tiền, thông báo kết quả hoạt động cho vay trong tháng, quản lý giấy tờ do người vay để lại làm tin. Mạnh tổng hợp, kiểm soát các khoản vay, làm sổ sách, tham gia cho người vay, đôn đốc người vay trả tiền đúng hạn. Thân tham gia cho người khác vay tiền. Khi người vay có nhu cầu vay tiền sẽ chủ động liên hệ với nhóm Bằng, sau đó các đối tượng và người vay sẽ thống nhất số tiền vay, thời gian vay, lãi suất. Việc chuyển, nhận tiền qua tài khoản ngân hàng hoặc bằng tiền mặt.

Nhóm **B** cho vay tiền theo hình thức vay "lãi nằm" có nghĩa là người vay trả lãi hàng tháng hoặc theo kỳ 10 ngày một lần và giữ nguyên số tiền gốc. Quá trình

vay nhóm B có thể giữ lại giấy tờ của người vay để đảm bảo, một số người vay phải viết giấy vay cho nhóm B. Sau khi người vay trả đủ tiền vay và tiền lãi thì nhóm B trả lại các giấy tờ đã cầm cho người vay và hủy các giấy vay đi.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/3/2021 đến ngày 09/01/2024, **Ngô Văn B**, **Bùi Thanh M** và **Bùi Văn T7** đã sử dụng 943.000.000 đồng cho 33 người vay lãi nặng, thu được tổng số tiền lãi là 491.720.000 đồng, trong đó lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự (*tiền thu lợi bất chính*) là 416.742.222 đồng. Cụ thể:

1. Tháng 4/2022, anh **Đàm Quang V** (sinh năm 1996, trú tại **thôn T, xã T, thị xã Q, Quảng Ninh**) đã vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất là 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 12.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.750.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 10.850.000 đồng.

2. Tháng 02/2023 và tháng 10/2023, anh **Trần Văn H** (sinh năm 1999, trú tại **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 02 lần vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng, tiền lãi 3.333 đồng đến 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất là 121,7% đến 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 54.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 7.666.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 46.333.333 đồng.

3. Tháng 8/2022, tháng 9/2022, tháng 7/2023, anh **Đàm Quang T** (sinh năm 1998, trú tại **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 17.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.416.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 14.983.333 đồng.

4. Tháng 01/2023, anh **Bùi Văn T1** (sinh năm 2000, trú tại **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất là 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 7.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm 6.200.000 đồng.

5. Ngày 09/12/2022, anh **Bùi Công H1** (sinh năm 1994, trú tại: **khu D, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất là 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 32.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 6.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 26.400.000 đồng.

6. Ngày 23/10/2023, anh **Đàm Quang H2** (sinh năm 1999, trú tại: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất là 146 %/ năm). Số tiền lãi đã trả 800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 111.111 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 688.889 đồng.

7. Ngày 10/10/2022; tháng 6/2023, anh **Ngô Văn N** (sinh năm 2003, trú tại: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 02 lần vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tiền lãi từ 4.000 đồng / 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất từ 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 25.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 3.500.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 21.700.000 đồng.

8. Ngày 11/4/2022, anh **Phạm Như T2** (sinh năm 2000, trú tại **thôn G, xã T, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 20.000.000 đồng, tiền lãi 3.300 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày

(tương đương lãi suất 120,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 40.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 6.667.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 33.333.333 đồng.

9. Tháng 01/2023, anh **Đông Văn T3** (sinh năm 1998, trú tại: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 14.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 12.400.000 đồng.

10. Ngày 28/10/2023 anh **Đàm Quang H3** (sinh năm 1994, trú tại: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 10.000.000 đồng, tiền lãi từ 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất từ 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 2.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 333.333 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.066.667 đồng.

11. Ngày 05/01/2023, anh **Đoàn Văn Đ1** (sinh năm 1995, trú tại: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 15.000.000 đồng, tiền lãi 4000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 5.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 750.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.650.000đồng.

12. Tháng 08/2022; tháng 12/2022; tháng 07/2023; tháng 10/2023; anh **Nguyễn Văn C5** (sinh năm 2000, trú tại: **thôn Đ, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 04 lần vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 13.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.916.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 11.883.333 đồng.

13. Tháng 02/2023 anh **Đàm Quang T4** (sinh năm 2000, trú tại: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 12,000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.667.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 10.333.333 đồng.

14. Tháng 11/2022 anh **Phạm Hữu M1** (sinh năm 2001, trú tại: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 4.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 666.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.133.333 đồng.

15. Tháng 12/2022 anh **Phạm Minh Đ2** (sinh năm 1997, trú tại: **khu C, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 14.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 12.400.000 đồng.

16. Ngày 16/12/2022; tháng 04/2023; ngày 12/08/2023, anh **Đàm Quang Đ3** (sinh năm 2000, trú tại: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 10.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.416.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.783.333đồng.

17. Tháng 11/2023, anh **Vũ Tiên H4** (sinh năm 1998, trú tại: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 40.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 9.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.333.333 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.266.667 đồng.

18. Ngày 12/12/2023, anh **Bùi Ngọc S** (sinh năm 1999, trú tại: **thôn G, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 55.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 4.950.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 916.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.033.333 đồng.

19. Trong các ngày 07/02/2023; 04/10/2023; 06/01/2024; anh **Nguyễn Tuấn A** (sinh năm 1995, trú tại: **khu T, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay với tổng số tiền là 45.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 2.240.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 311.111 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.928.889 đồng.

20. Trong các ngày 05/09/2023; 02/10/2023; 24/10/2023, anh **Bùi Việt C1** (sinh năm 1997, trú tại: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, tiền lãi 3.300 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 120,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 8.900.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.505.555 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.394.445 đồng.

21. Tháng 10/2022; tháng 3/2023, anh **Phạm Đình P** (sinh năm 1998, trú tại: **thôn V, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 02 lần vay với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 4.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 666.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.133.333 đồng.

22. Ngày 01/03/2021, anh **Phạm Việt A1** (sinh năm 2003, trú tại: **thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 19.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.750.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 17.050.000 đồng.

23. Tháng 7/2023; tháng 10/2023; ngày 29/12.2023; ngày 05/01/2024, anh **Đàm Quang T5** (sinh năm 1991, trú tại: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 04 lần vay với tổng số tiền là 38.000.000 đồng, tiền lãi từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất từ 109,5% đến 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 4.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 666.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.833.333 đồng.

24. Tháng 3/2023; tháng 10/2023; ngày 03/11/2023; ngày 09/01/2024, anh **Đông Văn C2** (sinh năm 1995, trú tại: **thôn Đ, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 04 lần vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 1.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 222.222 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.377.778 đồng.

25. Ngày 07/04/2021; tháng 9/2021; tháng 8/2022; tháng 02/2023, anh **Đàm Quang Đ4** (sinh năm 1993, trú tại: **thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 04 lần vay với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày

(tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 76.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 10.583.333 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 65.616.667 đồng.

26. Tháng 09/2022; tháng 01/2023, anh **Đàm Quang M2** (sinh năm 1997, trú tại: **thôn T, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 02 lần vay với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.300 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 120,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 13.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 2.166.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 10.833.333 đồng.

27. Ngày 01/03/2023; ngày 01/03/2023; tháng 5/2023, anh **Vũ Hoàng G1** (sinh năm 1996, trú tại: **khu A, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, tiền lãi 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 3.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 500.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.100.000 đồng.

28. Ngày 06/07/2023; ngày 27/9/2023 anh **Nguyễn Văn K** (sinh năm 1999, trú tại: **thôn C, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 02 lần vay với tổng số tiền là 55.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 8.850.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.638.889 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.211.111 đồng.

29. Trong các ngày 02/06/2023; 04/08/2023; 14/08/2023; 28/11/2023, anh **Đỗ Hữu T6** (sinh năm 1998, trú tại: **thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 04 lần vay với tổng số tiền là 82.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 5.980.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.088.888 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.891.112 đồng.

30. Tháng 04/2022; tháng 11/2022; tháng 4/2023, anh **Vũ Văn L** (sinh năm 2000, trú tại: **khu H, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 03 lần vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, tiền lãi từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất từ 109,5% đến 146%/ năm). Số tiền lãi đã trả 21.300.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 3.499.999 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 17.800.001 đồng.

31. Tháng 10/2022; tháng 11/2022; tháng 12/2022; tháng 3/2023; tháng 7/2023, anh **Đoàn Công V1** (sinh năm 1997, trú tại: **khu B, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã 05 lần vay với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 36.900.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 6.833.334 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 30.066.666 đồng.

32. Ngày 26/11/2023, chị **Vũ Thị Như Q** (sinh năm 1997, trú tại: **thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**) đã vay 8.000.000 đồng, tiền lãi 3.300 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 120,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 1.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 266.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.333.333 đồng.

33. Ngày 11/11/2023; anh **Đỗ Mạnh C3** (sinh năm 1997, trú tại: **tổ A, khu E, phường H, thành phố H**) đã vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/ năm). Số tiền lãi đã trả 900.000 đồng, trong

đó: tiền lãi theo quy định là 166.667 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 733.333 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại nơi ở của **Ngô Văn B**, **Bùi Thanh M** tại **xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**: không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Bằng giao nộp 02 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, **số I**: 356348390053224, bên trong lắp sim số 0372.678.708; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám, số Imei: 355687072261006, bên trong lắp sim: 0566.583.117).

Ngoài 33 người vay nặng lãi của **B, M, T7** nêu trên, quá trình điều tra còn xác định: có 02 người vay nặng lãi của **B, M, T7** nhưng số tiền thu lời bất chính dưới 30 triệu đồng và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không đề cập xử lý.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có lời khai giống như nội dung đã nêu. Họ đều khai do cần tiền sử dụng vào các mục đích cá nhân nên đã vay tiền của các bị cáo và phải chịu mức lãi xuất theo thỏa thuận mà các bị cáo đưa ra.

Cáo trạng số: 1190/CT-VKSQN-P2 ngày 03/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** đều nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh **Nguyễn Tuấn A**, **Đàm Quang H3**, **Phạm Minh Đ2**, **Đàm Quang Đ4**) có mặt tại phiên tòa đều có lời khai phù hợp với nội dung vụ án đã nêu; đối với số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, những người này đều từ chối nhận lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Ngô Văn B** từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024 và xử phạt bị cáo **Bùi Thanh M** từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2024 cùng về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị tịch thu sung ngân sách toàn bộ số tiền sử dụng vào mục đích phạm tội là 943.000.000đ; trong đó buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền 531.500.000đ và số tiền lãi còn lại tương ứng lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) mà các bị cáo đã thu của người vay là 74.977.778đ cần truy thu, sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền này được chia đều cho hai bị

cáo **B** và **M**. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc vay phải nộp lại tổng số tiền là 411.500.000đ. Trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lợi bất chính mà họ có yêu cầu là 177.046.466đ; đối với số tiền người vay từ chối nhận lại là 239.695.756đ cần sung ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm dân sự và không có ý kiến gì khác.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q**, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** đều khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện và thừa nhận nội dung Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát đã nêu là đúng. Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ ngày 01/3/2021 đến ngày tháng 09/01/2024, trên địa bàn **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**, **Ngô Văn B**, **Bùi Thanh M** và **Bùi Văn T7** đã có hành vi sử dụng **943.000.000** đồng cho 33 người vay, với hình thức vay “lãi năm”, với mức lãi suất từ 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày đến 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (*tương đương với lãi suất từ 109,5%/ năm đến 146%/ năm*). Tổng số tiền lãi thu được là **491.720.000** đồng, trong đó lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự (*tiền thu lợi bất chính*) là **416.742.222** đồng.

Hành vi cho vay với mức lãi suất từ 109,5%/ năm đến 146%/ năm của các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** đã gấp 5 lần trở lên của mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. (*lãi xuất cao nhất theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự mà các bên thỏa thuận không được vượt quá 20% năm của khoản tiền vay*) và số tiền thu lợi bất chính là 416.742.222 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Ngô Văn B**, **Bùi Thanh M** đã cấu thành tội:

“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, như nội dung Cáo trạng số: 1190/CT-VKSQN-P2 ngày 03/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước đối với lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự trị an, làm phát sinh các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác, tạo nên nhiều bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có khả năng nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, động cơ tham lam tư lợi cá nhân, nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm, do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, vai trò và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo giáo dục và phòng ngừa.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều bàn bạc, thống nhất và tham gia góp tiền để thực hiện việc cho vay thu lãi kiếm lời. Trong đó, bị cáo **B** là người quản lý tiền vốn, lập nhóm Zalo để hoạt động, trực tiếp tìm người vay, xuất, thu tiền và quản lý giấy tờ nên giữ vai trò chính; bị cáo **M** làm sổ sách, tham gia cho vay và đôn đốc việc trả nợ nên giữ vai trò sau Bằng.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** sau khi phạm tội đã ra đầu thú và đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý số tiền liên quan đến hành vi phạm tội:

Đối với số tiền gốc 943.000.000đ (chín trăm bốn mươi ba triệu đồng) là tiền **Ngô Văn B**, **Bùi Thanh M** và **Bùi Văn T7** dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi 74.977.778đ (bảy mươi tư triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) là tiền phát sinh từ tội phạm nên các bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước. Trong vụ án này các bị cáo thỏa thuận ăn chia đều số tiền hưởng lợi nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm dân sự ngang nhau. Do **Bùi Văn T7** hiện tại đã bỏ trốn, nên các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** phải chịu trách nhiệm liên đới đối với toàn bộ số tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước và tiền thu lợi bất chính trả cho những người vay. Nếu sau này các bị cáo **B** và **M** có yêu cầu **Bùi Văn T7** phải trả lại số tiền này thì các bị cáo sẽ được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Trong số tiền sử dụng vào mục đích cho vay, có một số người vay chưa trả gốc cho các bị cáo nên cần buộc những người này phải nộp lại số tiền này

để sung ngân sách Nhà nước và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm nộp số tiền gốc những người vay đã trả để sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự là 416.742.222đ (bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng), đây là tiền mà người phạm tội thu lời bất chính của người vay, nên được trả lại cho người vay khi họ có yêu cầu và sung ngân sách Nhà nước số tiền người vay không có yêu cầu lấy lại.

Đối với số tiền 416.742.222đ (bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) các bị cáo đã tác động gia đình nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số I: 356348390053224, bên trong lắp sim số 0372.678.708; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám, số Imei: 355687072261006, bên trong lắp sim: 0566.583.117) thu giữ của Ngô Văn B có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về các biện pháp ngăn chặn: cần tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam đối với các bị cáo Ngô Văn B và Bùi Thanh M để đảm bảo thi hành án.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với bị can Bùi Văn T7 hiện vắng mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, truy nã, khi bắt được sẽ xử lý sau.

[11] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về án phí: các bị cáo Ngô Văn B, Bùi Thanh M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn B, Bùi Thanh M phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn B 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024;

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thanh M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật

Hình sự.

Buộc các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** phải liên đới nộp số tiền 531.500.000đ (năm trăm ba mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng) là tiền dùng vào việc phạm tội để sung ngân sách Nhà nước. Chia theo phần mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 265.750.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ nộp số tiền đã vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: anh **Đàm Quang V**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); anh **Trần Văn H**: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); anh **Bùi Văn T1**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); anh **Bùi Công H1**: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); anh **Ngô Văn N**: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); anh **Phạm Như T2**: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); anh **Đồng Văn T3**: 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh **Đàm Quang H3**: 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh **Đoàn Văn Đ1**: 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh **Đàm Quang T4**: 6.000.000đ (sáu triệu đồng); anh **Phạm Minh Đ2**: 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng); anh **Đàm Quang Đ3**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); anh **Vũ Tiến H4**: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); anh **Bùi Ngọc S**: 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng); anh **Nguyễn Tuấn A**: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); anh **Bùi Việt C1**: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); anh **Phạm Việt A1**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); anh **Đàm Quang T5**: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng); anh **Đồng Văn C2**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); anh **Nguyễn Văn K**: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); anh **Vũ Văn L**: 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh **Đoàn Công V1**: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); anh **Đỗ Mạnh C3**: 5.000.000đ (năm triệu đồng); chị **Vũ Thị Thu Q1**: 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tổng cộng: 411.500.000đ (bốn trăm mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** phải liên đới nộp số tiền lãi 74.977.778đ (bảy mươi tư triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) là tiền phát sinh từ tội phạm để sung ngân sách Nhà nước. Chia theo phần mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 37.488.889đ (ba mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính của người vay, cụ thể: anh **Đàm Quang V**: 10.850.000đ (mười triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng); anh **Trần Văn H**: 46.333.333đ (bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); anh **Đàm Quang T**: 14.983.333đ (mười bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); anh **Bùi Công H1**: 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); anh **Đồng Văn T3**: 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng); anh **Đàm Quang T4**: 10.333.333đ (mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); anh **Phạm Minh Đ2**: 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng); anh **Đàm Quang Đ3**: 8.783.333đ (tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); anh **Bùi Ngọc S**: 4.033.333đ (bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); anh **Phạm Việt A1**: 17.050.000đ (mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); anh **Đồng Văn C2**: 1.377.778đ (một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng); anh **Nguyễn Văn K**: 7.211.111đ

(bảy triệu hai trăm hai mươi một nghìn một trăm mười một đồng); anh **Đỗ Hữu T6**: 4.891.112đ (bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn một trăm mười hai đồng). Tổng cộng: 177.046.466đ (một trăm bảy mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 239.695.756đ (hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng) các bị cáo thu lời bất chính của người vay do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận lại;

Ghi nhận các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên số tiền thu lời bất chính là 416.742.222đ (bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) để trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, vỏ màu xanh, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, vỏ màu xám.

Tịch thu tiêu hủy các sim điện thoại gắn kèm những chiếc điện thoại bị thu giữ.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên).

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 416.742.222đ (bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) các bị cáo đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003142, 0003144, 0003146 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Ngô Văn B** và **Bùi Thanh M** mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TX Quảng Yên;
- Công an TX Quảng Yên;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS TX Quảng Yên;
- CQ THA HS;
- TTG Công an T. QN;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Công Huy